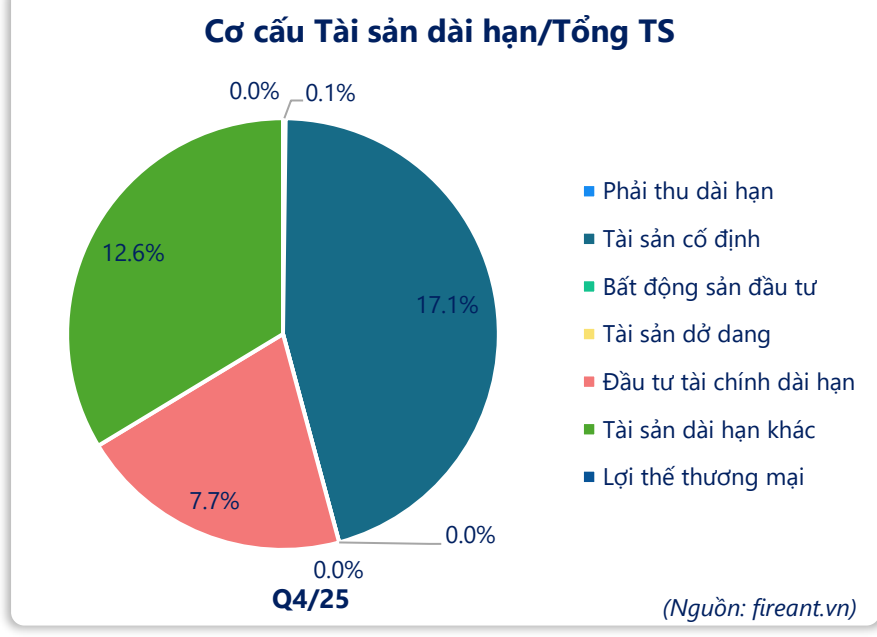
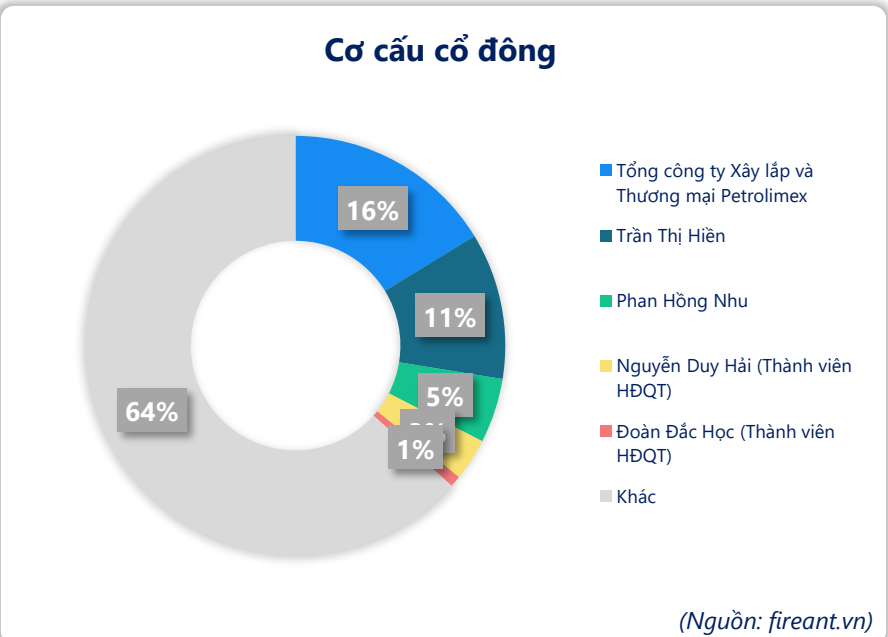
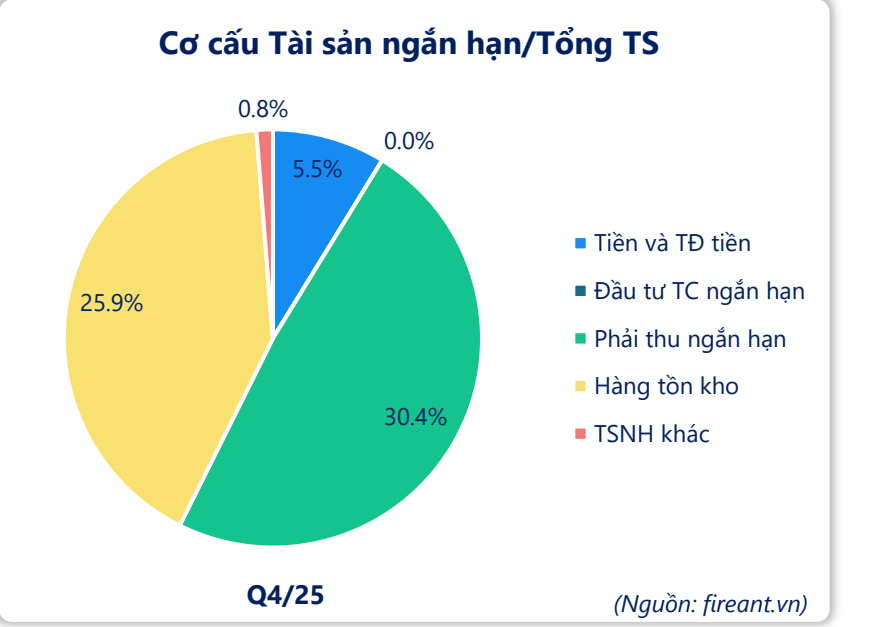
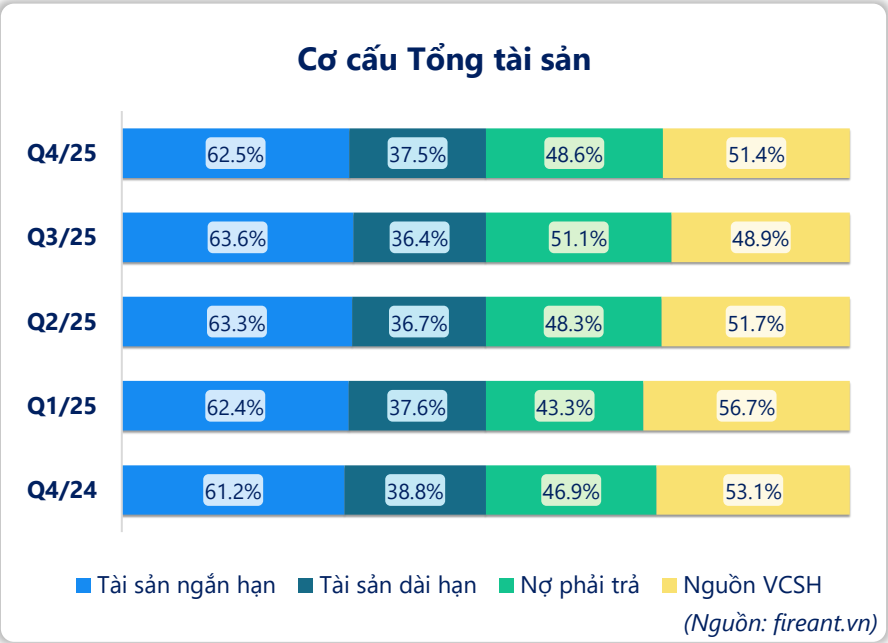
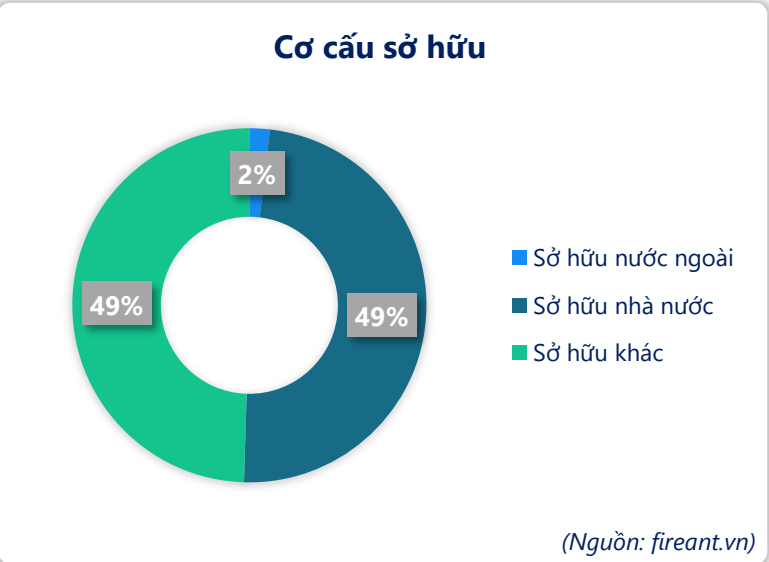
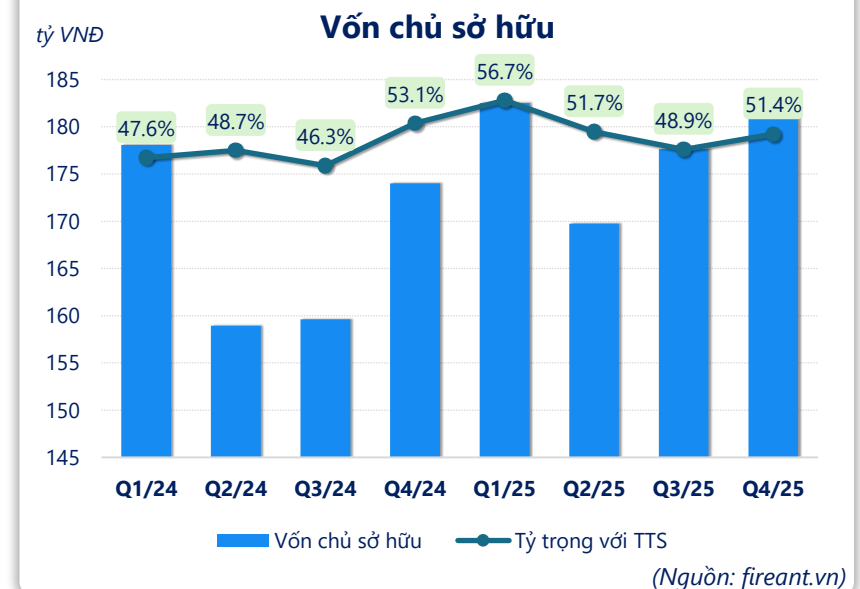
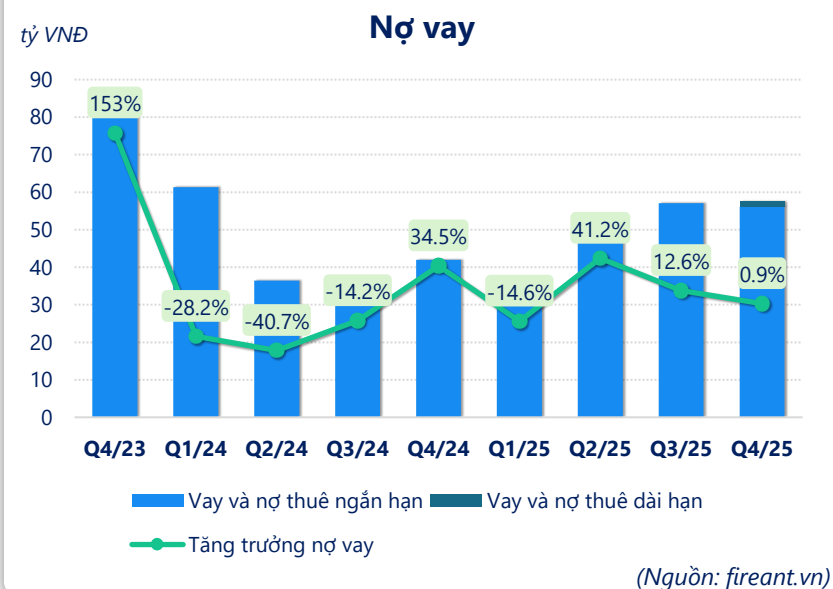
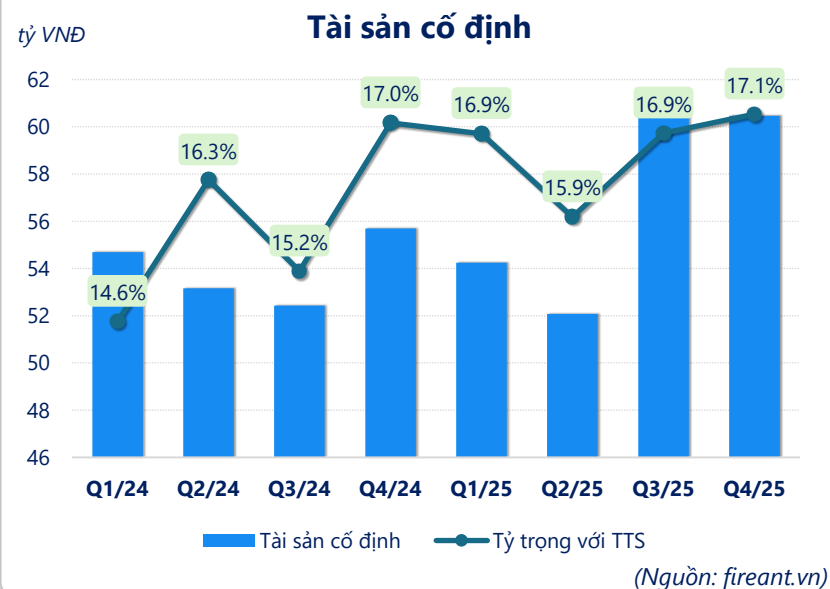
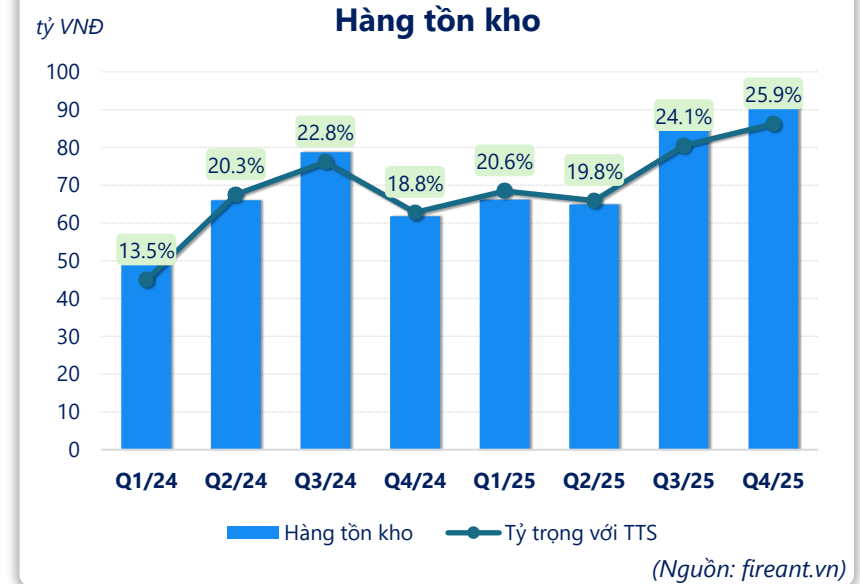
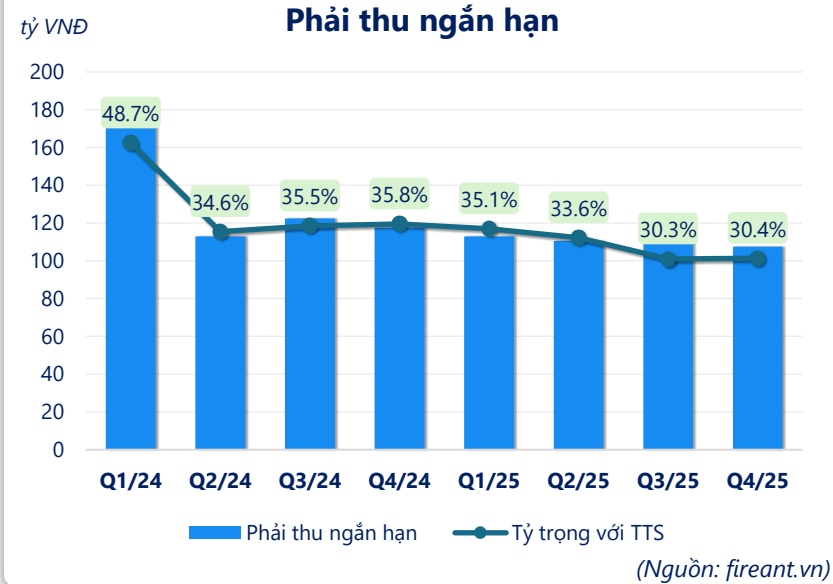
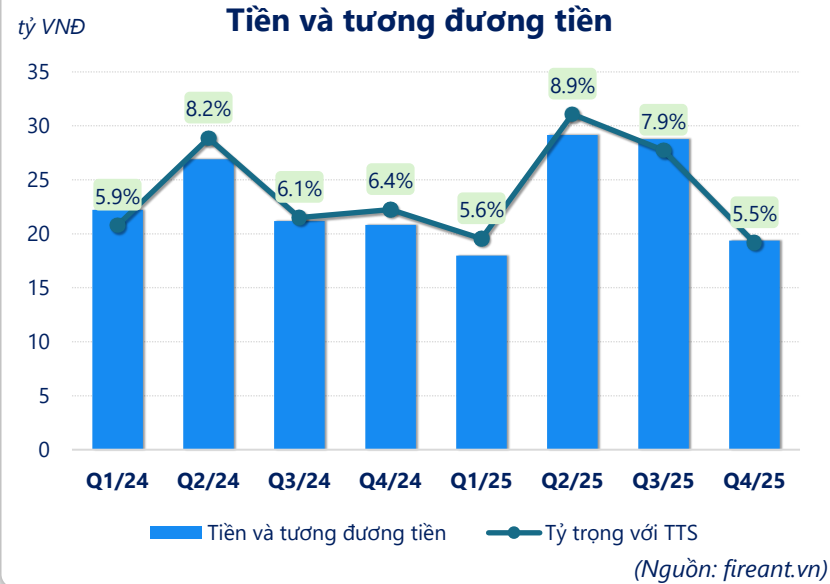
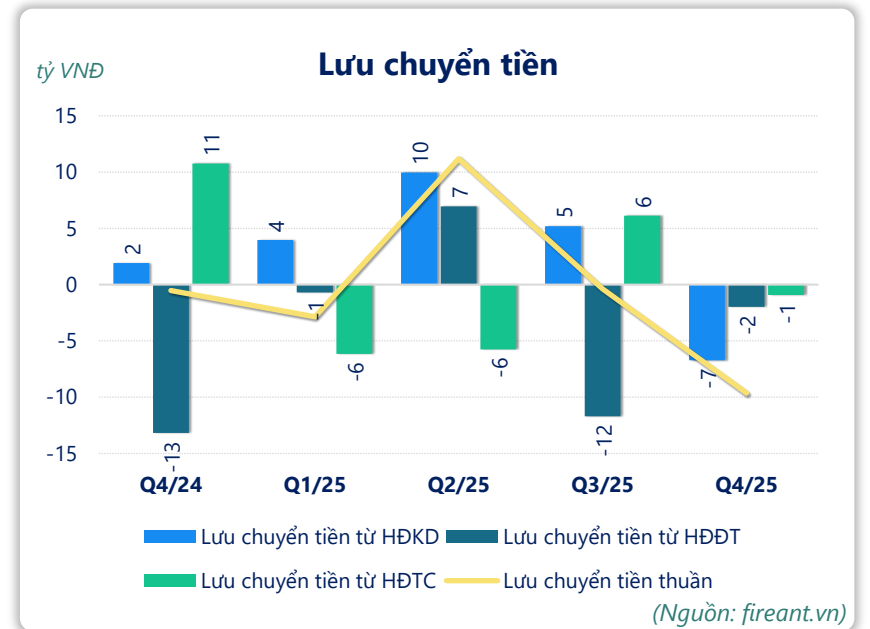
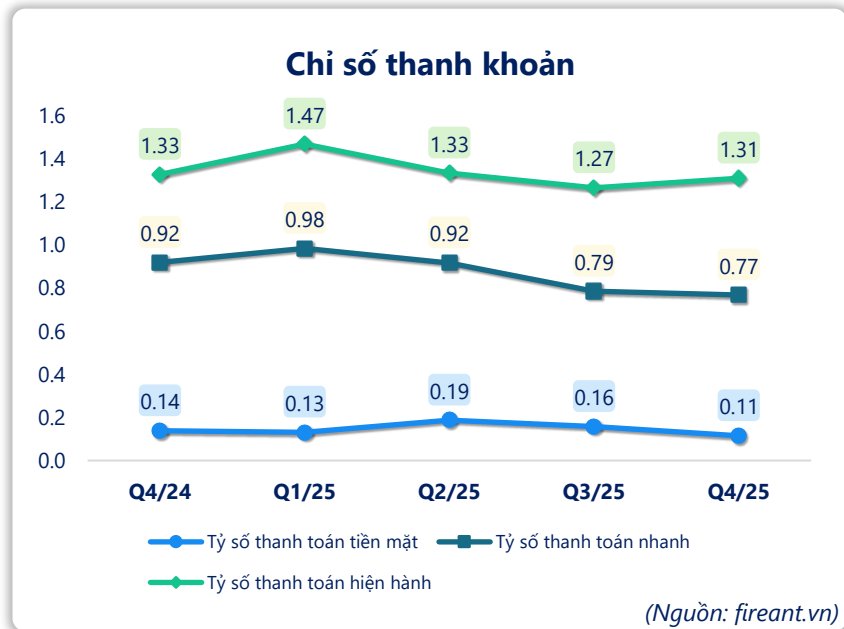
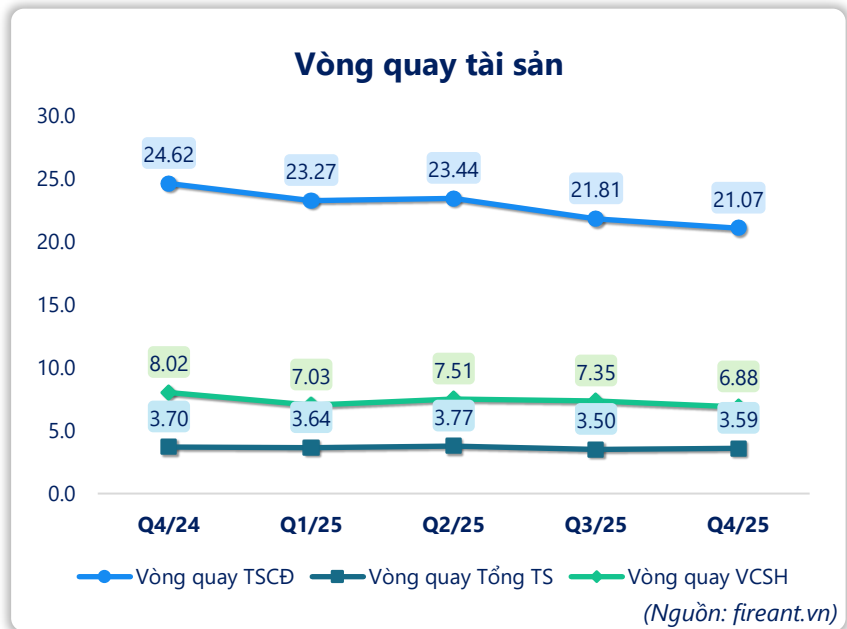
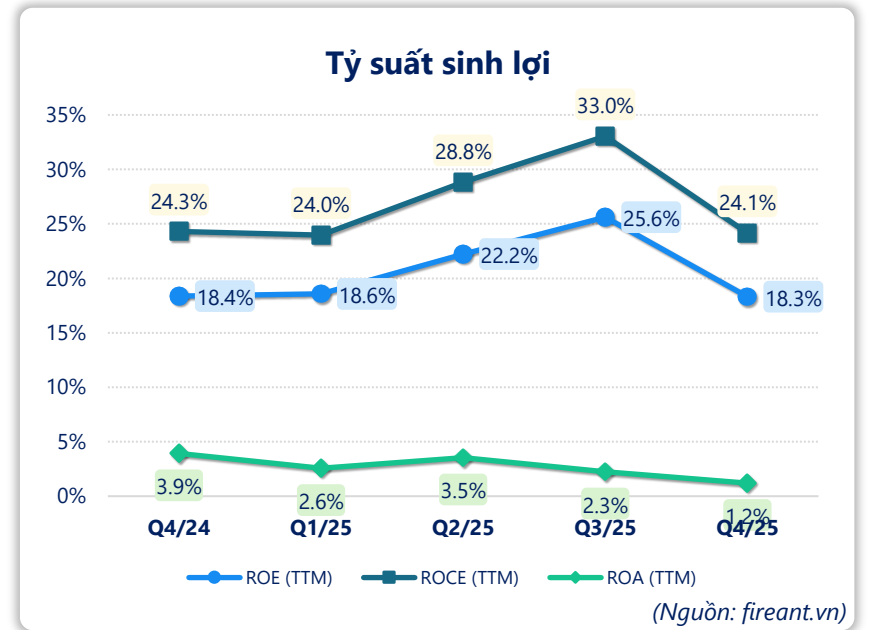
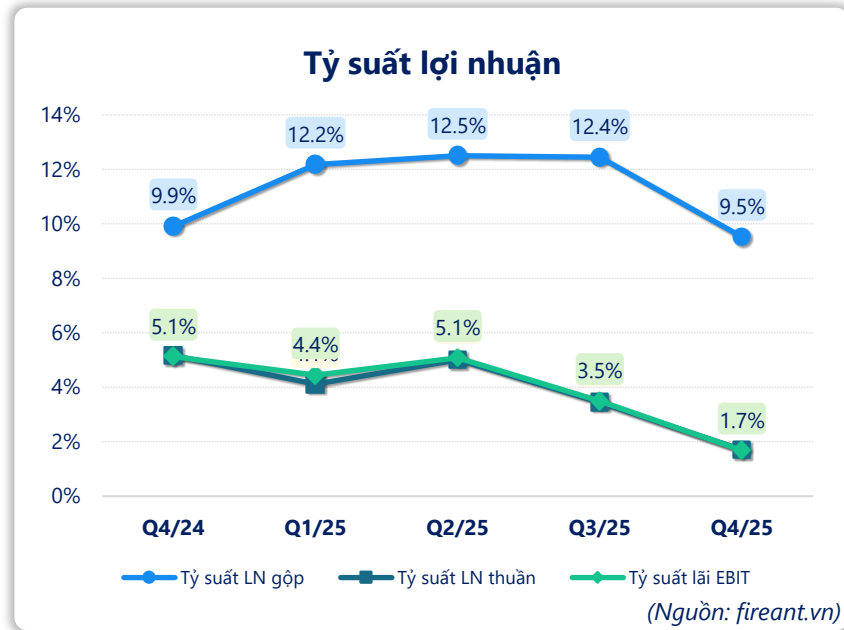
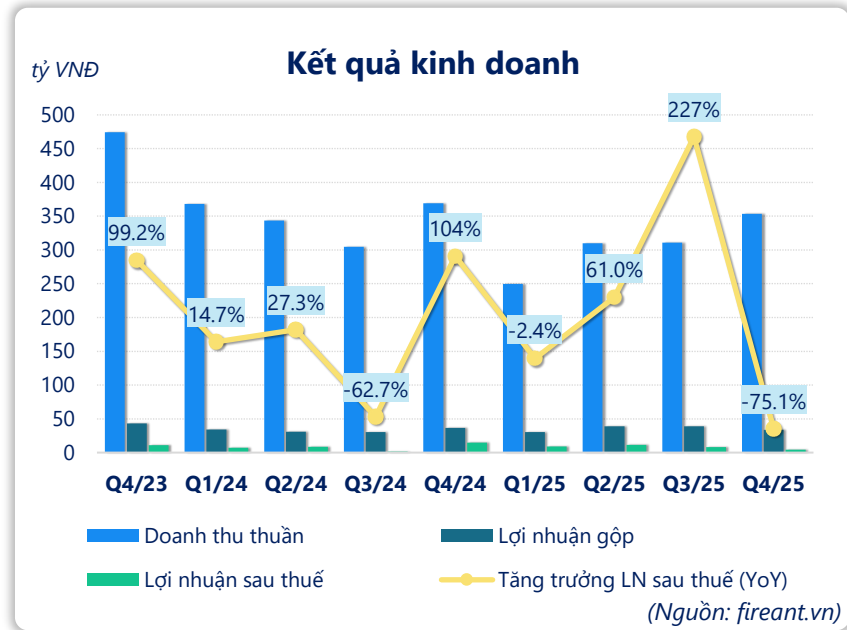


Thông tin giao dịch		31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		34,600
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		37,000
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		29,421
SL cổ phiếu LH		7,201,772
KLGD BQ 20 phiên (CP)		140
% sở hữu nước ngoài		1.9%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		249
P/E		7.6
EPS		4,524

	YTD	1T	3T	6T
PMS	17.6%	-0.9%	-1.1%	6.5%
VNINDEX	40.5%	2.7%	5.9%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	354	328	7.9%
Tài sản ngắn hạn	221	201	10.1%
Tiền và tương đương tiền	19.4	20.8	-7.0%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	108	117	-8.5%
Hàng tồn kho	91.5	61.8	48.2%
Tài sản ngắn hạn khác	2.80	0.76	267%
Tài sản dài hạn	133	127	4.2%
Phải thu dài hạn	0.27	0.57	-53.1%
Tài sản cố định	60.5	55.7	8.6%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	27.2	24.4	11.5%
Tài sản dài hạn khác	44.6	46.5	-4.1%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	172	154	11.8%
Nợ ngắn hạn	169	151	11.7%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	56.2	42.0	33.8%
Phải trả người bán ngắn hạn	57.9	65.7	-11.9%
Nợ dài hạn	3.20	2.72	17.6%
Vay và nợ thuê dài hạn	1.42	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	182	174	4.4%
Vốn chủ sở hữu	182	174	4.4%
Vốn điều lệ	72.3	72.3	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Doanh thu thuần	369	250	310	311	353
Giá vốn hàng bán	333	219	271	272	320
Lợi nhuận gộp	36.6	30.4	38.7	38.7	33.6
Doanh thu HĐTC	0.26	0.04	0.11	0.03	0.04
Chi phí TC	-3.62	0.79	0.95	0.92	0.95
Chi phí lãi vay	0.55	0.79	0.91	0.76	0.88
LN trong công ty LKLD	1.09	3.49	2.03	2.37	2.23
Chi phí bán hàng	13.5	7.42	14.0	14.3	8.73
Chi phí QLDN	8.94	15.5	10.4	15.1	20.2
LN thuần từ HĐKD	19.1	10.3	15.5	10.7	6.02
Lợi nhuận khác	-0.70	0.03	-0.68	-0.58	-0.96
LN trước thuế	18.4	10.3	14.8	10.1	5.06
Lợi nhuận sau thuế	14.7	8.93	11.6	7.96	4.10
LNST của CĐ cty mẹ	14.7	8.93	11.6	7.96	4.10

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	1.91	3.98	9.97	5.19	-6.73
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-13.2	-0.69	6.96	-11.7	-1.96
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	10.8	-6.16	-5.75	6.14	-0.93
Tiền đầu kỳ	21.2	20.8	18.0	29.2	28.8
Lưu chuyển tiền thuần	-0.51	-2.87	11.2	-0.38	-9.62
Ảnh hưởng tỷ giá	0.17	0.00	0.00	0.00	0.23
Tiền cuối kỳ	20.8	18.0	29.2	28.8	19.4

(Nguồn: fireant.vn)